

Số: 29 /TB-HĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên thống kê viên chính, giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính năm 2023 đối với công chức, viên chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP¹; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP²; Thông tư số 06/2020/TT-BNV³; Quyết định số 1805/QĐ-BKHĐT ngày 01/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên thống kê viên chính, giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính năm 2023 đối với công chức, viên chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây viết tắt là Hội đồng thi) và Quyết định số 41/QĐ-HĐT ngày 10/01/2024 của Hội đồng thi về việc ban hành Kế hoạch tổ chức kỳ thi, Hội đồng thi đã tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên thống kê viên chính, giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính năm 2023 theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Sau khi hoàn tất quy trình chấm thi, ghép phách và tổng hợp điểm thi, Hội đồng thi thông báo kết quả thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên thống kê viên chính, giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính năm 2023 đối với công chức, viên chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (có Danh sách kèm theo).

Hội đồng thi đề nghị Người đứng đầu các đơn vị có công chức, viên chức dự thi:

1. Thông báo kết quả thi đến công chức, viên chức của đơn vị có tên trong Danh sách kèm theo Thông báo này.
2. Thông báo việc phúc khảo bài thi và giải quyết các kiến nghị về điểm thi

¹ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức

² Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

³ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

- Hội đồng thi nhận đơn phúc khảo bài thi và giải quyết các kiến nghị về điểm thi trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV, Hội đồng thi không phúc khảo môn Kiến thức chung và môn Ngoại ngữ.

- Phí phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi (quy định tại Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức).

- Địa chỉ nhận đơn phúc khảo: Đơn đề nghị phúc khảo gửi trực tiếp trong giờ hành chính vào các ngày làm việc hoặc qua đường bưu điện theo địa chỉ của Thường trực Hội đồng thi (Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thống kê) số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Trường hợp gửi qua đường bưu điện thì thời gian nhận đơn tính theo dấu bưu điện.

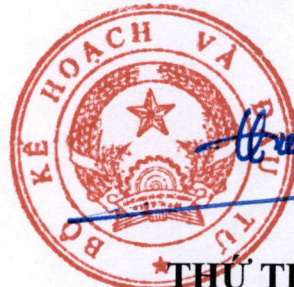
Hội đồng thi thông báo./

Nơi nhận:

- Như danh sách gửi kèm;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Nội vụ;
- Tổng cục Thống kê;
- Ban giám sát kỳ thi;
- Thành viên HĐT;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ KHĐT;
- Lưu: VT, Vụ TCCB, HĐT

S.04

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



**THỦ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**
Trần Quốc Phương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỘI ĐỒNG THI TKVC, GVC NĂM 2023

KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH LÊN THỐNG KÊ VIÊN CHÍNH, THĂNG HẠNG GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CHÍNH NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 29 /TB-HDT ngày 22/3/2024 của Hội đồng thi)

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	TK001	Lê Thế	Anh	05/05/1979		Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	35/60	Miễn	79,5	Đạt	
2	TK002	Nguyễn Đức	Chinh	13/09/1981		Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh	33/60	26/30	67,5	Đạt	
3	TK003	Phạm Thị	Đam		10/03/1987	Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên	48/60	23/30	80,0	Đạt	
4	TK004	Cao Văn	Đào	01/01/1970		Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi	Không thi	Không thi	Không thi		Không thi
5	TK005	Hà Thị	Dung		19/10/1978	Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang	19/60	Miễn	Không thi	Không đạt	
6	TK006	Phạm	Dũng	20/05/1979		Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang	32/60	Miễn	71,5	Đạt	
7	TK007	Lương Văn	Đương	28/10/1975		Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	34/60	10/30	Không thi	Không đạt	
8	TK008	Lê Văn	Đường	08/10/1977		Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi	46/60	18/30	76,0	Đạt	
9	TK009	Hoàng Quang	Duy	06/01/1980		Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông	37/60	Miễn	74,0	Đạt	
10	TK010	Trần Thị Thanh	Hà		03/03/1982	Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc	37/60	18/30	87,5	Đạt	
11	TK011	Phạm Thị Thu	Hà		19/04/1979	Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	34/60	22/30	80,5	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	TK012	Phạm Thị Minh	Hằng		23/09/1979	Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên	43/60	22/30	92,0	Đạt	
13	TK013	Nguyễn Thị	Hiền		13/11/1987	Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	34/60	23/30	66,0	Đạt	
14	TK014	Phạm Minh	Hoàng	03/04/1982		Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên	34/60	24/30	82,0	Đạt	
15	TK015	Nguyễn	Huệ	17/04/1980		Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh	31/60	26/30	81,0	Đạt	
16	TK016	Nguyễn Văn	Huy	19/11/1973		Cục Thống kê tỉnh Hà Nam	38/60	16/30	78,5	Đạt	
17	TK017	Lê Minh	Khánh	20/01/1968		Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang	Không thi	Không thi	Không thi		Không thi
18	TK018	Nguyễn Thị	Khiêm		02/08/1968	Cục Thống kê tỉnh Bến Tre	Không thi	Miễn	Không thi		Không thi
19	TK019	Mã Thanh	Lạc	15/12/1964		Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang	45/60	Miễn	73,0	Đạt	
20	TK020	Lê Thị Ngọc	Lan		08/05/1980	Cục Thống kê tỉnh Hà Nam	37/60	20/30	78,0	Đạt	
21	TK021	Nguyễn Thị Kim	Liên		21/05/1976	Cục Thống kê tỉnh Điện Biên	32/60	Miễn	81,0	Đạt	
22	TK022	Nguyễn Tú	Linh		07/06/1976	Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình	29/60	Không thi	Không thi	Không đạt	
23	TK023	Huỳnh Phước	Linh	01/01/1977		Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp	33/60	21/30	81,5	Đạt	
24	TK024	Huỳnh Thị Kim	Loan		20/07/1980	Cục Thống kê tỉnh Phú Yên	39/60	17/30	77,0	Đạt	
25	TK025	Lưu Văn	Luận	30/04/1974		Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai	38/60	19/30	85,0	Đạt	
26	TK026	Nguyễn Tuấn	Lực	24/12/1971		Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh	17/60	23/30	Không thi	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
27	TK027	Lưu Sinh	Lực	22/05/1977		Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	28/60	Không thi	Không thi	Không đạt	
28	TK028	Phan Văn	Lùng	19/07/1976		Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn	34/60	Miễn	72,5	Đạt	
29	TK029	Phạm Tấn	Mỹ	19/12/1973		Cục Thống kê tỉnh An Giang	34/60	19/30	82,0	Đạt	
30	TK030	Nhâm Quang	Ngọc	15/06/1982		Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ	45/60	16/30	76,5	Đạt	
31	TK031	Lê Hữu	Nhấn	05/08/1977		Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	34/60	Miễn	67,5	Đạt	
32	TK032	Đỗ Đình	Quân	09/10/1977		Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	22/60	Không thi	Không thi	Không đạt	
33	TK033	Đặng Ngọc	Quang	12/12/1981		Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang	25/60	20/30	Không thi	Không đạt	
34	TK034	Phạm Văn	Quỳnh	11/04/1971		Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk	33/60	Miễn	70,0	Đạt	
35	TK035	Huỳnh Văn	Quỳnh	02/02/1982		Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng	35/60	19/30	79,0	Đạt	
36	TK036	Trần Thị Minh	Tâm		08/03/1984	Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai	29/60	22/30	Không thi	Không đạt	
37	TK037	Trần Chánh	Thành	02/02/1973		Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long	42/60	26/30	84,0	Đạt	
38	TK038	Lê Thị Thu	Thùy		09/02/1978	Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	33/60	25/30	84,5	Đạt	
39	TK039	Nguyễn Thị Lệ	Thùy		18/12/1970	Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	36/60	Miễn	83,0	Đạt	
40	TK040	Phan Thị	Trinh		20/03/1980	Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi	26/60	Không thi	Không thi	Không đạt	
41	TK041	Nguyễn Văn	Trung	27/09/1975		Cục Thống kê tỉnh Sơn La	33/60	Miễn	79,5	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
42	TK042	Lê Thành	Trung	22/12/1976		Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	37/60	24/30	74,0	Đạt	
43	TK043	Nguyễn Xuân	Trường	15/09/1985		Cục Thống kê TP Hà Nội	36/60	22/30	77,0	Đạt	
44	TK044	Nguyễn Thị Ngọc	Tú		18/01/1984	Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	34/60	13/30	Không thi	Không đạt	
45	TK045	Đồng Xuân	Tuấn	25/01/1973		Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang	34/60	18/30	67,5	Đạt	
46	TK046	Lê Phước	Tuyên	01/07/1979		Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam	35/60	20/30	71,5	Đạt	
47	TK047	Nguyễn Minh	Văn	05/10/1978		Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long	48/60	20/30	75,0	Đạt	
48	TK048	Lê Văn	Vui	20/11/1969		Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp	32/60	20/30	72,0	Đạt	Cạnh tranh chỉ tiêu
49	TK049	Đỗ Thị Ngọc	Ánh		19/11/1976	Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp	38/60	17/30	76,5	Đạt	
50	TK050	Nguyễn	Bảo	09/04/1987		Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi	32/60	13/30	Không thi	Không đạt	
51	TK051	Nguyễn Thị Thúy	Bình		09/03/1981	Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh	40/60	17/30	66,0	Đạt	
52	TK052	Nguy Khắc	Chiến	26/06/1981		Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	29/60	Miễn	Không thi	Không đạt	
53	TK053	Đàm Thị Ái	Cơ		15/04/1979	Cục Thống kê TP Đà Nẵng	37/60	18/30	81,0	Đạt	
54	TK054	Đinh Văn	Công	05/05/1973		Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi	38/60	18/30	89,5	Đạt	
55	TK055	Hoàng Ngọc	Cường	16/10/1976		Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế	35/60	18/30	70,5	Đạt	
56	TK056	Đỗ Quốc	Cường	01/11/1981		Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	38/60	Miễn	75,5	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
57	TK057	Võ Minh	Cường	03/02/1985		Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long	38/60	24/30	70,0	Đạt	
58	TK058	Nguyễn Quốc	Cường	10/10/1978		Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp	31/60	16/30	72,5	Đạt	
59	TK059	Nguyễn Ngọc	Đàng	10/10/1975		Cục Thống kê TP Cần Thơ	29/60	Không thi	Không thi	Không đạt	
60	TK060	Đinh Văn	Đầy	18/02/1974		Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp	48/60	16/30	79,5	Đạt	
61	TK061	Quang Thị Phương	Diệu		11/12/1983	Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	24/60	Không thi	Không thi	Không đạt	
62	TK062	Lê Công Minh	Duật	05/10/1979		Cục Thống kê TP Đà Nẵng	37/60	17/30	70,5	Đạt	
63	TK063	Võ Văn	Đức	01/01/1976		Cục Thống kê tỉnh Bến Tre	46/60	23/30	75,0	Đạt	
64	TK064	Nguyễn Đình	Dũng	26/10/1979		Cục Thống kê TP Hải Phòng	39/60	26/30	83,0	Đạt	
65	TK065	Trần Ánh	Dương	02/11/1964		Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị	Không thi	Miễn	Không thi		Không thi
66	TK066	Lê Văn	Dương	19/12/1981		Cục Thống kê TP Cần Thơ	35/60	18/30	84,0	Đạt	
67	TK067	Đoàn Hữu	Duyệt	15/06/1972		Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng	34/60	Miễn	77,0	Đạt	
68	TK068	Vương Thị Thúy	Giang		3/23/1975	Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh	47/60	26/30	76,0	Đạt	
69	TK069	Nguyễn Văn	Giang	20/07/1975		Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang	49/60	21/30	75,0	Đạt	
70	TK070	Nguyễn Thị Vân	Giang		08/06/1971	Cục Thống kê tỉnh An Giang	39/60	18/30	77,5	Đạt	
71	TK071	Từ Văn	Giao	20/5/1981		Cục Thống kê TP Cần Thơ	35/60	Miễn	76,5	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
72	TK072	Trương Đức	Giáp	13/10/1984		Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc	32/60	21/30	78,0	Đạt	
73	TK073	Lê Thị Ngân	Hà		07/10/1983	Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	28/60	Không thi	Không thi	Không đạt	
74	TK074	Cao Thị Mỹ	Hà		19/07/1980	Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	31/60	21/30	76,0	Đạt	
75	TK075	Nguyễn Văn	Hai	06/04/1977		Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp	42/60	18/30	77,5	Đạt	
76	TK076	Chu Bá	Hải	23/10/1977		Cục Thống kê TP Hà Nội	32/60	24/30	86,5	Đạt	
77	TK077	Nông Ngọc	Hải	13/09/1975		Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn	35/60	Miễn	90,0	Đạt	
78	TK078	Lương Thị Thanh	Hải		30/3/1978	Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh	36/60	20/30	85,0	Đạt	
79	TK079	Đoàn Thị	Hải		17/12/1980	Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	24/60	Không thi	Không thi	Không đạt	
80	TK080	Nhâm Thị Thu	Hằng		06/01/1980	Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ	35/60	22/30	89,5	Đạt	
81	TK081	Đoàn Thị Mỹ	Hạnh		04/02/1983	Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	38/60	21/30	74,5	Đạt	
82	TK082	Dương Tiến	Hạnh	08/10/1974		Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	34/60	14/30	Không thi	Không đạt	
83	TK083	Nguyễn Thị	Hậu		20/04/1982	Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia	50/60	12/30	Không thi	Không đạt	
84	TK084	Đặng Văn	Hiền	26/10/1981		Cục Thống kê tỉnh Nam Định	38/60	20/30	87,0	Đạt	
85	TK085	Hoàng Thị	Hoa		05/04/1984	Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên	41/60	24/30	81,5	Đạt	
86	TK086	Đường Thị Ngọc	Hoa		16/10/1975	Cục Thống kê TP Hải Phòng	19/60	Không thi	Không thi	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
87	TK087	Trần Thị	Hòa		13/12/1974	Cục Thống kê TP Đà Nẵng	32/60	20/30	73,0	Đạt	
88	TK088	Đoàn Mạnh	Hùng	19/02/1977		Cục Thống kê TP Hà Nội	39/60	17/30	85,0	Đạt	
89	TK089	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/06/1978		Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc	36/60	25/30	75,0	Đạt	
90	TK090	Đỗ Văn	Hương		19/10/1976	Cục Thống kê TP Hà Nội	41/60	21/30	74,0	Đạt	
91	TK091	Đỗ Thị	Hương		27/07/1975	Cục Thống kê tỉnh Lào Cai	35/60	19/30	91,5	Đạt	
92	TK092	Phạm Thị Thu	Hương		07/07/1981	Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang	32/60	26/30	89,0	Đạt	
93	TK093	Hoàng Thị Thu	Hương		08/12/1982	Cục Thống kê TP Hải Phòng	40/60	18/30	81,0	Đạt	
94	TK094	Đàm Thị	Hương		02/10/1981	Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	42/60	Miễn	84,5	Đạt	
95	TK095	Vũ Thị	Hường		01/06/1972	Cục Thống kê tỉnh Nam Định	43/60	24/30	89,5	Đạt	
96	TK096	Nguyễn Quang	Huy	11/04/1981		Cục Thống kê tỉnh Hà Nam	34/60	18/30	86,0	Đạt	
97	TK097	Nguyễn Quang	Huyền	15/10/1976		Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	35/60	Miễn	83,5	Đạt	
98	TK098	Nghiêm Đức	Khải	04/02/1981		Cục Thống kê TP Hà Nội	32/60	16/30	73,0	Đạt	
99	TK099	Nguyễn Đức	Khanh	11/01/1975		Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang	35/60	19/30	80,5	Đạt	
100	TK100	Nguyễn Phú	Khánh	10/12/1979		Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	35/60	Miễn	84,5	Đạt	
101	TK101	Nguyễn Đăng	Khoa	13/04/1976		Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	40/60	Miễn	68,0	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
102	TK102	Đỗ Hữu	Khôi	08/05/1978		Cục Thống kê tỉnh Hà Nam	27/60	Không thi	Không thi	Không đạt	
103	TK103	Nguyễn Chí	Kiên	24/11/1980		Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang	38/60	Miễn	74,5	Đạt	
104	TK104	Lưu Thị	Lan		21/09/1980	Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên	39/60	24/30	75,5	Đạt	
105	TK105	Nguyễn Hữu	Lặng	26/05/1974		Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế	Không thi	Không thi	Không thi		Không thi
106	TK106	Lâm Đạo	Liên	09/02/1984		Cục Thống kê TP Hồ Chí Minh	43/60	20/30	88,0	Đạt	
107	TK107	Đinh Thị Kiều	Liên		08/02/1980	Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang	Không thi	Không thi	Không thi		Không thi
108	TK108	Phạm Thị	Loan		10/06/1972	Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh	34/60	17/30	80,5	Đạt	
109	TK109	Nguyễn Văn	Long	26/03/1980		Cục Thống kê tỉnh Hà Nam	33/60	24/30	79,5	Đạt	
110	TK110	Nguyễn Thị Minh	Lý		11/11/1980	Cục Thống kê tỉnh Hải Dương	31/60	29/30	80,0	Đạt	
111	TK111	Phí Triệu	Mạc	23/01/1968		Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa	Không thi	Miễn	Không thi		Không thi
112	TK112	Vũ Đình	Mạnh	18/04/1984		Cục Thống kê TP Hải Phòng	48/60	19/30	83,0	Đạt	
113	TK113	Nguyễn Quốc	Miêu	10/12/1977		Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam	41/60	18/30	86,0	Đạt	
114	TK114	Phùng Ngọc	Minh	09/01/1974		Cục Thống kê tỉnh Sơn La	47/60	Miễn	76,0	Đạt	
115	TK115	Nguyễn Thị	Minh		21/09/1984	Cục Thống kê tỉnh Sơn La	32/60	Miễn	81,0	Đạt	
116	TK116	Hoàng Thị Ánh	Minh		29/10/1986	Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình	36/60	18/30	85,0	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
117	TK117	Trần	Minh	30/08/1970		Cục Thống kê tỉnh Bình Phước	34/60	20/30	76,5	Đạt	
118	TK118	Lê Thị	Minh		27/06/1974	Cục Thống kê tỉnh Bến Tre	38/60	20/30	84,0	Đạt	
119	TK119	Nguyễn Hoài	Nam	05/01/1979		Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	38/60	17/30	71,5	Đạt	
120	TK120	Trần Minh	Nghĩa	07/12/1978		Cục Thống kê tỉnh Bình Định	35/60	Miễn	85,5	Đạt	
121	TK121	Nguyễn Văn	Nghiệp	20/08/1976		Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình	49/60	18/30	70,5	Đạt	
122	TK122	Nguyễn Đức	Ngoan	30/07/1977		Cục Thống kê tỉnh Long An	34/60	19/30	83,5	Đạt	
123	TK123	Phạm Thị	Nguyên		12/03/1981	Cục Thống kê TP Hà Nội	33/60	22/30	81,0	Đạt	
124	TK124	Đào Thế	Nguyên		18/11/1986	Cục Thống kê tỉnh Long An	39/60	19/30	82,0	Đạt	
125	TK125	Trần Ngọc	Nhân	20/01/1982		Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi	34/60	16/30	71,5	Đạt	
126	TK126	Nguyễn Thị Kiều	Nhi		14/07/1986	Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế	41/60	16/30	92,0	Đạt	
127	TK127	Nguyễn Thị Thúy	Nhung		30/09/1988	Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên	46/60	11/30	Không thi	Không đạt	
128	TK128	Cao Thị Kim	Oanh		23/06/1984	Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ	41/60	17/30	83,0	Đạt	
129	TK129	Huỳnh Minh	Phú	12/4/1986		Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế	50/60	20/30	79,5	Đạt	
130	TK130	Nguyễn Thị	Phương		04/09/1976	Cục Thống kê TP Hà Nội	38/60	24/30	82,5	Đạt	
131	TK131	Nguyễn Đức	Phương	16/07/1978		Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình	36/60	22/30	88,0	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
132	TK132	Trần Thị Thanh	Phuong		28/9/1981	Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang	33/60	26/30	89,0	Đạt	
133	TK133	An Văn	Quân	14/09/1982		Cục Thống kê tỉnh Hà Giang	31/60	Miễn	79,0	Đạt	
134	TK134	Lê Thành	Quốc	16/12/1978		Cục Thống kê tỉnh Phú Yên	40/60	23/30	83,5	Đạt	
135	TK135	Trần Thị Minh	Quyên		14/04/1977	Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn	38/60	Miễn	92,0	Đạt	
136	TK136	Hà Văn	Quỳnh	02/11/1979		Cục Thống kê tỉnh Hà Giang	36/60	Miễn	90,5	Đạt	
137	TK137	Trịnh Văn	Sáu	01/01/1966		Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long	Không thi	Miễn	Không thi		Không thi
138	TK138	Nguyễn Thanh	Son	01/02/1982		Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông	32/60	19/30	85,0	Đạt	
139	TK139	Tiêu Thanh	Son	10/03/1968		Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp	35/60	26/30	59,5	Không đạt	Cạnh tranh chỉ tiêu
140	TK140	Lê Anh	Tài	22/11/1977		Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	32/60	26/30	88,5	Đạt	
141	TK141	Nguyễn Văn	Tám	09/09/1973		Cục Thống kê tỉnh Hải Dương	Không thi	Không thi	Không thi		Không thi
142	TK142	Phạm Thành	Tâm	07/03/1970		Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	41/60	Miễn	77,0	Đạt	
143	TK143	Dương Minh	Tấn	28/12/1979		Cục Thống kê TP Cần Thơ	39/60	24/30	61,5	Đạt	
144	TK144	Lê Quang	Thái	02/06/1984		Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang	32/60	24/30	78,5	Đạt	
145	TK145	Nguyễn Ngọc	Thái	24/04/1973		Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long	38/60	23/30	70,5	Đạt	
146	TK146	Phạm Văn	Thái	10/07/1978		Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long	Không thi	Không thi	Không thi		Không thi

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
147	TK147	Phạm Thị Hồng	Thắm		02/02/1984	Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang	35/60	22/30	85,5	Đạt	
148	TK148	Đỗ Mạnh	Thắng	22/06/1980		Cục Thống kê tỉnh Nam Định	44/60	15/30	80,5	Đạt	
149	TK149	Lê Thị	Thanh		16/11/1977	Cục Thống kê TP Hồ Chí Minh	32/60	23/30	92,5	Đạt	
150	TK150	Cao Quang	Thành	08/10/1976		Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng Công nghệ thông tin thống kê	36/60	24/30	84,0	Đạt	
151	TK151	Trần Thị Phương	Thảo		21/09/1979	Cục Thống kê TP Hà Nội	39/60	28/30	79,0	Đạt	
152	TK152	Nguyễn Thị	Thảo		20/10/1983	Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	32/60	Miễn	89,5	Đạt	
153	TK153	Nguyễn Thị Thu	Thảo		01/05/1982	Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	39/60	Miễn	91,5	Đạt	
154	TK154	Trần Xuân	Thế	02/11/1980		Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng	36/60	23/30	81,5	Đạt	
155	TK155	Nguyễn Xuân	Thọ	22/06/1970		Cục Thống kê tỉnh Điện Biên	34/60	Miễn	78,0	Đạt	
156	TK156	Lưu Thị Chi	Thoa		14/08/1981	Cục Thống kê tỉnh Thái Bình	36/60	20/30	93,0	Đạt	
157	TK157	Nghiêm Đình	Thường	10/01/1983		Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh	36/60	15/30	87,5	Đạt	
158	TK158	Trần Việt	Thúy		12/10/1983	Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia	39/60	22/30	77,0	Đạt	
159	TK159	Nguyễn Thanh	Thùy		02/05/1987	Cục Thống kê TP Hải Phòng	41/60	14/30	Không thi	Không đạt	
160	TK160	Phạm Thị Bích	Thùy		27/10/1984	Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	32/60	22/30	86,0	Đạt	
161	TK161	Lê Bá	Tín	05/06/1982		Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	43/60	Miễn	91,0	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
162	TK162	Tổng Văn	Toan	13/08/1983		Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh	38/60	20/30	85,0	Đạt	
163	TK163	Trương Quốc	Toàn	15/01/1982		Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ	35/60	Miễn	79,0	Đạt	
164	TK164	Nguyễn Thị Ngọc	Trai		26/10/1980	Cục Thống kê tỉnh Gia Lai	48/60	Miễn	79,5	Đạt	
165	TK165	Trần Thế	Tri	31/12/1972		Cục Thống kê tỉnh Long An	50/60	17/30	82,0	Đạt	
166	TK166	Hồ Hữu	Trí	27/12/1981		Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	50/60	27/30	96,0	Đạt	
167	TK167	Lê Minh	Trung	25/09/1979		Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang	31/60	11/30	Không thi	Không đạt	
168	TK168	Nguyễn Xuân	Trường	05/07/1971		Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ	35/60	Miễn	80,0	Đạt	
169	TK169	Trương Quang	Tú	18/08/1983		Cục Thống kê TP Hà Nội	34/60	22/30	81,5	Đạt	
170	TK170	Vũ Thị Thanh	Tú		20/12/1973	Cục Thống kê tỉnh Hà Giang	40/60	Miễn	70,5	Đạt	
171	TK171	Nguyễn Đình	Tuấn	19/04/1977		Cục Thống kê TP Hà Nội	36/60	23/30	80,0	Đạt	
172	TK172	Hứa Đức	Tuấn	20/01/1978		Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên	35/60	Miễn	82,0	Đạt	
173	TK173	Cao Anh	Tuấn	01/05/1978		Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị	33/60	18/30	80,0	Đạt	
174	TK174	Đỗ Khắc	Tuấn	09/07/1978		Cục Thống kê tỉnh Bình Phước	35/60	20/30	73,5	Đạt	
175	TK175	Đình Minh	Tuấn	01/12/1982		Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai	33/60	12/30	Không thi	Không đạt	
176	TK176	Hà Văn	Tươi	24/05/1972		Cục Thống kê tỉnh Sơn La	35/60	Miễn	80,0	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm bài thi			Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
177	TK177	Nguyễn Thị Hồng	Vân		13/12/1981	Cục Thống kê tỉnh Yên Bái	39/60	21/30	91,0	Đạt	
178	TK178	Ngô Thị	Vân		20/9/1978	Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh	33/60	23/30	83,0	Đạt	
179	TK179	Nguyễn Đình	Việt	19/04/1978		Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	26/60	Không thi	Không thi	Không đạt	
180	TK180	Hoàng Minh	Vụ	20/07/1971		Cục Thống kê tỉnh Hà Giang	40/60	Miễn	77,0	Đạt	
181	TK181	Trịnh Đình	Vương	16/06/1979		Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	34/60	22/30	78,5	Đạt	
182	TK182	Đặng Anh	Xuân	09/02/1974		Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	35/60	18/30	69,5	Đạt	
183	TK183	Nguyễn Thị	Yến		21/01/1977	Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	32/60	23/30	75,0	Đạt	
184	GV001	Phạm Thị Vân	Anh		28/05/1976	Trường Cao đẳng Thống kê	44/60	26/30	71,0	Đạt	
185	GV002	Nguyễn Thị	Huệ		03/12/1976	Trường Cao đẳng Thống kê	48/60	26/30	77,5	Đạt	
186	GV003	Ngô Thị Thanh	Huyền		24/02/1977	Trường Cao đẳng Thống kê	35/60	25/30	67,5	Đạt	
187	GV004	Bùi Minh	Lý		29/09/1982	Trường Cao đẳng Thống kê	36/60	24/30	69,5	Đạt	
188	GV005	Trần Hồng	Nhận		22/02/1985	Trường Cao đẳng Thống kê	45/60	Miễn	75,0	Đạt	